

Số: 60/2019/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Quàng Thị N, sinh năm: 1993. Nơi ĐKKHKT: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở: huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Lò Văn Đ, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Quàng Thị N và anh Lò Văn Đ kết hôn với nhau từ năm 2011 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2011.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế và cách nuôi dạy con. Chị N không tin tưởng anh Đ về tình cảm. Hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã làm mất dần tình cảm đối với nhau. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Mâu thuẫn của anh chị có được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Cả hai bên đều không còn tình cảm gì với nhau nữa. Không thể tiếp tục chung sống, có chung sống cũng không thể hạnh phúc được. Anh chị xác nhận tình cảm không còn, đề nghị Tòa án công nhận

thuận tình ly hôn cho các bên. Tại phiên hòa giải, chị N anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N, anh Đ.

[2] Về con chung: Chị N, anh Đ có 02 con chung là các cháu Lò Ánh D, sinh ngày 29/7/2017 và cháu Lò Đình V, sinh ngày 31/03/2015. Hai bên thống nhất: Chị N nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành. Anh Đ nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết mà sẽ tách ra giải quyết ở một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị N nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị N và anh Lò Văn Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N, anh Đ có 02 con chung là các cháu Lò Ánh D, sinh ngày 29/7/2017 và cháu Lò Đình V, sinh ngày 31/03/2015.

Giao cháu Lò Ánh D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Lò Đình V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Quàng Thị N nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0003282 ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Chăn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh